SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ NINH GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1537/QĐ-TTYT

Ninh Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm test nhanh, hóa chất miễn dịch năm 2026-2027

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ NINH GIANG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3858/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1535 /QĐ-TTYT, ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế Ninh Giang về việc phê duyệt dự toán Mua sắm test nhanh, hóa chất miễn dịch năm 2026-2027;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại tờ trình ngày 21/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm test nhanh, hóa chất miễn dịch năm 2026-2027.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm test nhanh, hóa chất miễn dịch năm 2026-2027 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Được quét bằng CamScanner

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia đấu thầu, tổ thẩm định và các khoa/phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ban lãnh đạo
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Tuấn

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 1

Gói thầu: Mua sắm test nhanh, hóa chất miễn dịch năm 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-TTYT, ngày 22 tháng 10 năm 2026

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá trị gói thầu thuốc (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức & phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Trung tâm Y tế Ninh Giang	Mua sắm test nhanh, hóa chất miễn dịch năm 2026-2027	Gói thầu chia 2 lô; lô test nhanh có 10 mặt hàng, lô hóa chất miễn dịch 9 mặt hàng	1.175.372.800	Nguồn thu từ hoạt động khám chữa bệnh	Chào giá trực tuyến rút gọn, trong nước, qua mạng	30 ngày	Quý IV/2026	Theo đơn giá cố định	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không
Tổng giá trị gói thầu thuốc:				**1.175.372.800**							

Bằng chữ: Một tỷ một trăm bẩy mươi lăm triệu ba trăm bẩy mươi hai nghìn tám trăm đồng.

Được quét bằng CamScanner

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ NINH GIANG

TRUNG TÂM Y TẾ NINH GIANG

DANH MỤC HÀNG HÓA GÓI THẦU MUA SẮM TEST NHANH, HÓA CHẤT MIỄN DỊCH NĂM 2026-2027

(Kèm Quyết định số 1537/QĐ-TTYT, ngày 22 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại/Mã hàng hóa	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VNĐ)
	Phần 1: Test nhanh									
1	Test nhanh chẩn đoán kháng thể HIV	Bioline™ HIV 1/2 3.0	03FK11	Abbott Diagnostics Korea Inc.-Hàn Quốc	Hộp 100 test	Phát hiện và phân biệt các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.8%.	Test	1.500	32.550	48.825.000
2	Khay thử xét nghiệm định tính HbsAg	Bioline™ HBsAg	01FK10	Abbott Diagnostics Korea Inc.-Hàn Quốc	Hộp 30 test	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% Thời gian trả kết quả: 20 phút Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100µL	Test	3.000	17.430	52.290.000
3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Bioline™ HCV	02FK11	Abbott Diagnostics Korea Inc.-Hàn Quốc	Hộp 100 test	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% so với RT-PCR Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút Thể tích mẫu sử dụng: 10µl với mẫu máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương người Ngưỡng phát hiện ở nồng độ pha loãng gấp 4096 lần với huyết thanh dương tính kháng Anti-HCV Độ ổn định sau khi mở túi nhôm ít nhất 72 giờ Dạng khay. Hộp 100 test Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) , vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người.	Test	1.000	28.560	28.560.000
4	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	Bioline™ Influenza Antigen	19FK12	Abbott Diagnostics Korea Inc.-Hàn Quốc	Hộp 25test	.Phát hiện phân biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi / họng / mũi-hầu hoặc các mẫu hút từ mũi/mũi-hầu. Độ nhạy; 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Thời gian trả kết quả: 10 - 15 phút Dạng que Kèm que kiểm chuẩn dương tính cúm A, dương tính cúm B và âm tính (trong hộp test) Ổn định ít nhất 24 giờ sau khi mở túi nhôm	Test	3.000	99.792	299.376.000
5	Test thử nhanh phát hiện vi rút Rota	Bioline™ Rotavirus	14FK10	Abbott Diagnostics Korea Inc.-Hàn Quốc	Hộp 20test	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân. Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 98.3% và tương quan là 96.9% vớI RT-PCR. Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C Thời gian trả kết quả: 10-20 phút Không có phản ứng chéo với E. coli; liên cầu đường ruột, virus Adeno	Test	200	78.330	15.666.000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại/Mã hàng hóa	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VNĐ)
6	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2	Trueline™ COVID-19 Ag Rapid Test	MICOG-502 (2503A1)	Công ty TNHH Medicon	Hộp 25 test	Xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên SARS-CoV-2 (protein N), cặp kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên SARS-CoV-2 (protein S) Ngưỡng phát hiện: 142 TCID50/mL với vi rút SARS-CoV-2 nuôi cấy bất hoạt và 0,1 ng/mL với kháng nguyên tái tổ hợp SARS-CoV-2. Độ nhạy: 96,30% (95%CI*: 90,86% - 98,55%); Độ đặc hiệu: 99,75% (95%CI*: 98,61%-99,96%); Độ chính xác: 99,02% (95%CI*: 97,73%-99,58%).	Test	500	26.500	13.250.000
7	Khay thử xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện MOP/MDMA/MET/KET/THC trong mẫu nước tiểu	Khay thử xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện MOP/MDMA/MET/KET/THC trong mẫu nước tiểu	DOA-154	Hangzhou Alltest Biotech Co., Ltd/ Trung Quốc	Hộp 25 test	Khay thử xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện MOP/MDMA/MET/KET/THC trong mẫu nước tiểu Ngưỡng phát hiện : MOP 300 ng/ ml, MDMA 300 ng/ml, MET 300 ng/ml, KET 300ng/ml, THC 50 ng/ml. Xét nghiệm được thực hiện trên khoảng 280 mẫu, Kết quả so sánh bằng phương pháp sắc ký khí/ khối phổ (GC/MS); Độ nhạy >99.9% ; Độ đặc hiệu > 99.9%; Độ chính xác 100%. Kết quả so sánh bằng bộ test thương mại khác; Độ nhạy 100% ; Độ đặc hiệu 100%; Độ chính xác 100%. Độ ổn định của sản phẩm đạt ; 100%; Độ lặp lại 100%; Tỷ trọng nước tiểu từ (1.000-1.045) 5> Tiêu chuẩn áp dụng.	Test	1.000	20.000	20.000.000
8	Que thử phân tích nước tiểu 11 thông số	H11 - Que thử xét nghiệm định tính và bán định lượng 11 thông số nước tiểu	H11	Dirui Industrial Co., Ltd/ Trung Quốc	Hộp 100test	Que thử 11 thông số: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone, Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, Specific Gravity, pH Ascorbic Acid.	Hộp	200	460.000	92.000.000
9	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng mức 1	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng mức 1, Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Hcg, Ketones, Leukocytes ,Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity, Urobilinogen (Urinalysis Control - Level 1 (Urnal control 1))		Randox Laboratories Ltd/Vương Quốc Anh	Lọ 12 ml	Dạng lỏng, thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8oC. Mở nắp trong vòng 30 ngày 2-25oC hoặc tương đương.	Lọ	12	468.000	5.616.000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại/Mã hàng hóa	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VAT)	Thành tiền (VNĐ)
10	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng mức 2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng mức 2 Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Hcg, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity, Urobilinogen (Urinalysis Control - Level 2 (Urnal control 2))		Randox Laboratories Ltd/Vương Quốc Anh	Lọ 12 ml	Dạng lỏng, thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8oC. Mở nắp trong vòng 30 ngày 2-25oC hoặc tương đương	Lọ	12	468.000	5.616.000
	Tổng tiền phần 1									**581.199.000**
	Phần 2: Hóa chất miễn dịch dùng cho máy VIDAS									
1	Hóa chất định lượng hormone kích tố tuyến giáp TSH	VIDAS TSH	30400	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm để định lượng hormon kích tố tuyến giáp (TSH – Thyroid-stimulating hormone).	Hộp	10	2.800.000	28.000.000
2	Bộ xét nghiệm định lượng T3	VIDAS T3	30403	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm định lượng Triiodothyronine toàn phần (T3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme).	Hộp	10	3.200.000	32.000.000
3	Hóa chất định lượng thyroxine tự do (FT4)	VIDAS FT4	30459	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm định lượng thyroxine tự do (FT4) sử dụng kĩ thuật phân tích huỳnh quang liên kết enzyme.	Hộp	10	3.100.000	31.000.000
4	Bộ thuốc thử định lượng Beta- HCG	VIDAS HCG	30405	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm định lượng Gonadotropin nhau thai người trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (Phân tích huỳnh quang liên kết enzym)	Hộp	10	5.000.000	50.000.000
5	Bộ xét nghiệm định lượng NT-proBNP2	VIDAS NT-proBNP2	30458	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm định lượng đoạn đầu N của peptide natri lợi niệu loại não trong huyết thanh hoặt huyết tương của người (lithium và natri heparin) bằng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme)	Hộp	15	18.990.000	284.850.000
6	Bộ xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	VIDAS B.R.A.H.M.S PCT	30450	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm phát hiện procalcitonin người trong huyết thanh hoặc huyết tương của người bằng kỹ thuật ELFA (Phương pháp Enzym có gắn huỳnh quang)	Hộp	5	19.500.000	97.500.000
7	Bộ thuốc thử định lượng Troponin I	VIDAS High sensitive Troponin I (TNHS)	415386	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm định lượng Troponin I tim sử dụng kỹ thuật xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme.	Hộp	10	3.950.000	39.500.000
8	Bộ xét nghiệm định lượng Ferritin	VIDAS Ferritin	30411	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết thanh hoặc huyết tương của người sử dụng kỹ thuật ELFA (Xét Nghiệm Huỳnh Quang Liên Kết Enzyme)	Hộp	6	4.500.000	27.000.000
9	Quality control VIDAS (QCV)	Quality control VIDAS (QCV)	30706	BioMerieux SA/Pháp	Hộp/60 test	Được sử dụng để phát hiện hoạt động bất thường của cơ chế pipet có thể ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Cũng được dùng để kiểm tra xem hệ thống quang học có khả năng đo nồng độ tín hiệu huỳnh quang ở mức cao hay không.	Hộp	2	2.161.900	4.323.800
	Tổng tiền phần 2									**594.173.800**
	Tổng giá gói thầu									**1.175.372.800**

Được quét bằng CamScanner